

Sự mạc khải của Giê-su Kitô - Số Ba

Vén mở những nền tảng tiên tri: Một nghiên cứu về mạc khải và con đường chân lý

Jeff Pippenger

2023-08-21

Vì vậy, khi tìm kiếm khắp cánh đồng và đào bới những viên ngọc quý của chân lý, chúng ta nhận ra những kho báu ẩn giấu. Thật bất ngờ, chúng ta tìm thấy quặng quý cần được thu lượm và trân trọng cất giữ. Và cuộc tìm kiếm ấy phải tiếp tục. Cho đến nay, phần lớn kho báu tìm được nằm ngay gần bề mặt và dễ dàng có được. Khi việc tìm kiếm được tiến hành đúng đắn, mọi nỗ lực đều nhằm giữ cho sự hiểu biết và tấm lòng trong sạch. Khi tâm trí luôn rộng mở và không ngừng dò tìm trên cánh đồng mạc khải, chúng ta sẽ tìm thấy những tầng vỉa phong phú của chân lý.

Những chân lý cũ sẽ được bộc lộ dưới những khía cạnh mới, và những chân lý từng bị bỏ sót trong quá trình tìm kiếm sẽ hiện ra. Những chân lý lớn lao đã bị chôn vùi dưới lớp nguy hiểm của sai lầm, nhưng chúng sẽ được người tìm kiếm siêng năng phát hiện. Khi người ấy tìm thấy và mở ra kho tàng những viên ngọc quý của chân lý, đó không phải là cướp bóc; bởi vì tất cả những ai trân trọng những châu báu này đều có thể sở hữu chúng, và rồi chính họ cũng có một kho tàng để mở ra cho người khác. Người truyền đạt không vì thế mà mất đi kho báu của mình; vì khi người ấy khảo cứu nó để có thể trình bày theo cách thu hút người khác, người ấy lại tìm thấy những kho báu mới...

Những người đứng trước dân chúng với tư cách là những người dạy dỗ lẽ thật phải đảm đương những chủ đề trọng đại. Họ không được chiếm dụng thời giờ quý báu để nói về những đề tài vụn vặt. Hãy để họ học Lời và rao giảng Lời. Hãy để Lời ở trong tay họ như một thanh gươm hai lưỡi sắc bén. Hãy để Lời làm chứng cho những chân lý trong quá khứ và cho thấy những gì sẽ xảy ra trong tương lai.

"Ánh sáng gia tăng sẽ chiếu rọi trên mọi lẽ thật vĩ đại của lời tiên tri, và chúng sẽ được thấy trong sự tươi mới và rực rỡ, bởi vì những tia sáng rạng ngời của Mặt Trời của Sự Công Chính sẽ soi sáng tất cả." Manuscript Releases, tập 1, 37-40.

Tôi tin rằng đến lúc này tôi đã đưa ra đủ các biểu tượng tiên tri trong những bài viết trước để có một điểm tham chiếu tốt khi chúng ta bắt đầu tiến qua sách Khải Huyền. Nếu bạn đang đọc các bài viết này trực tuyến, tôi hy vọng bạn hiểu rằng các bài được sắp xếp theo thứ tự ngày tháng. Tôi hiểu rằng có những người theo dõi các bài viết đã quen thuộc với phần lớn những gì tôi đang chia sẻ, và tôi xin gửi đến họ lời xin lỗi vì sự lặp lại. Tôi đã cố gắng đưa ra đủ căn cứ Kinh Thánh cho các lẽ thật mà chúng ta đang bàn đến, để những người mới với các nguyên tắc mà Future for America áp dụng có thể hiểu và tiếp tục theo dõi, dẫu họ có thể chưa quen thuộc với những khái niệm mà nhiều người trong chúng ta đã biết.

Có một vài lẽ thật rất mạnh mẽ, mà cho đến gần đây tôi chưa từng nhận ra, đã được mở ra trong sách Khải Huyền. Tôi có thể đơn giản đưa những lẽ thật ấy ra công khai mà không cần trước hết

xây dựng một cơ sở hậu thuẫn mang tính tiên tri trước khi chia sẻ chúng, nhưng những lẽ thật ấy quá mới và quá nghiêm trọng đến nỗi tôi không muốn chia sẻ nếu không có một nền tảng nào đó để đặt chúng lên, và tôi tin rằng những lẽ thật ấy chính là sự mở án của sách Khải Huyền diễn ra ngay trước khi kỳ ân điển khép lại.

Ngài lại phán cùng tôi rằng: Chớ niêm phong những lời tiên tri của sách này, vì thì giờ đã gần. Ai bất nghĩa, cứ làm điều bất nghĩa nữa; ai ô uế, cứ ô uế nữa; ai công bình, cứ làm điều công bình nữa; ai thánh khiết, cứ nên thánh khiết nữa. Khải Huyền 22:10, 11.

Chúa Giê-xu đã nêu ra một nguyên tắc về việc giảng dạy lẽ thật, mà tôi tin là áp dụng được ở đây. Nguyên tắc ấy được đặt trong bối cảnh nhận diện công việc của Đức Thánh Linh.

Và khi Ngài đến, Ngài sẽ cáo trách thế gian về tội lỗi, về sự công bình, và về sự phán xét: Về tội lỗi, vì họ không tin ta; Về sự công bình, vì ta đi đến cùng Cha, và các người chẳng còn thấy ta nữa; Về sự phán xét, vì kẻ cai trị thế gian này đã bị xét đoán. Ta còn nhiều điều muốn nói cùng các người, nhưng hiện nay các người không thể gánh nổi. Dầu vậy, khi Ngài, tức Thần Lẽ Thật, đến, Ngài sẽ dẫn dắt các người vào mọi lẽ thật; vì Ngài chẳng tự mình nói điều chi, nhưng hễ điều gì Ngài nghe thì Ngài sẽ nói; và Ngài sẽ tỏ cho các người những điều sắp đến. Ngài sẽ làm sáng danh ta, vì Ngài sẽ nhận từ ta mà tỏ cho các người. Giăng 16:8-16.

Khi Đấng Christ phán: “Ta còn nhiều điều muốn nói với các người, nhưng bây giờ các người chưa chịu nổi,” điều ấy củng cố niềm xác tín của tôi rằng hiện nay có nhiều điều cần được chia sẻ, nhưng trước hết phải có một tiền đề hợp lý để xây dựng những lẽ thật ấy. Nói như vậy, các câu trước xác định rằng các sứ điệp của ba thiên sứ được thể hiện qua việc Đức Thánh Linh quả trách “thế gian về tội lỗi, về sự công bình, và về sự phán xét.” Ba sứ điệp ấy là sứ điệp cảnh báo sau cùng, vì vậy đoạn này nêu rõ công tác của Đức Thánh Linh là một lời chứng quan trọng, bởi nó nhấn mạnh rằng sứ điệp được hiểu một cách tiệm tiến, và chỉ những ai có dầu của Đức Thánh Linh mới hiểu được. Giăng, trong sách Khải Huyền, trình bày chính lẽ thật đó khi ông xác định rằng mình là một tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm giữ ngày Sa-bát vào thời kỳ cuối cùng của thế gian.

Tôi đã ở trong Thánh Linh vào ngày của Chúa, và nghe phía sau lưng tôi có một tiếng nói lớn, như tiếng kèn. Khải Huyền 1:10.

Những tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy vào thời kỳ tận thế, những người sẽ hiểu sứ điệp đã mở án trong Sách Khải Huyền, sẽ làm như vậy vì họ ở 'trong Thánh Linh.' Trong bối cảnh của dụ ngôn mà chúng ta đã được nói là 'minh họa kinh nghiệm của dân Cơ Đốc Phục Lâm,' Giăng là một trinh nữ khôn ngoan, vì ông có dầu của Thánh Linh. Ông đại diện cho những trinh nữ khôn ngoan vào thời kỳ tận thế, những người nghe một tiếng lớn 'đằng sau' họ. 'Tiếng từ đằng sau' ông là Đấng Anpha và Ômêga như được xác định ngay trong câu kế tiếp, và tiếng ấy bảo ông hãy trở lại những nẻo xưa và bước đi trong đó.

Đức Chúa phán như vậy: Hãy đứng nơi các nẻo đường, nhìn xem, và hỏi về những lối xưa, đâu là đường lành, rồi hãy đi theo đó; thì các người sẽ tìm được sự yên nghỉ cho linh hồn các người. Nhưng họ nói: Chúng tôi sẽ không đi theo đó. Giê-rê-mi 6:16.

“Sự ‘yên nghỉ’” mà Giê-rê-mi nói đến là sự tuôn đổ của Đức Thánh Linh trong kỳ mưa cuối mùa. Trong câu tiếp theo, Giê-rê-mi đưa ra một minh họa thứ hai về những trinh nữ dại, là những người từ chối trở lại với các nền tảng của Cơ Đốc Phục Lâm (những neo xưa) và bước đi trong đó.

Ta cũng đặt những kẻ canh trên các ngươi, mà phán rằng: Hãy nghe tiếng kèn! Nhưng họ nói: Chúng tôi không chịu nghe. Giê-rê-mi 6:17.

Khi Giảng nghe tiếng nói phía sau hướng ông đến những neo xưa, tức các nền tảng của phong trào Phục Lâm, tiếng ông nghe vang như tiếng kèn. Tiếng ấy được truyền qua những “người canh gác” mà Đức Chúa Trời đã đặt để trên phong trào Phục Lâm. Cha Miller là người canh gác đã thổi kèn cảnh báo vào buổi đầu của Phục Lâm, trong thời kỳ công bố sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, loan báo sự khai mở của cuộc phán xét. Nhưng Giảng đặc biệt đại diện cho những người rao truyền sứ điệp của thiên sứ thứ ba, loan báo sự kết thúc của cuộc phán xét. Ông đại diện cho những người trở về với các nền tảng mà Đức Chúa Trời đã dựng lập qua công việc của Miller.

Chúng tôi đã nhiều lần chỉ ra qua nhiều năm (và điều đó có thể được tìm thấy trong Các Bảng của Ha-ba-cúc) rằng sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, "hãy kính sợ Đức Chúa Trời", là để cáo trách tội lỗi; sứ điệp của thiên sứ thứ hai là nơi sự công bình được bày tỏ, và sứ điệp của thiên sứ thứ ba nêu rõ sự phán xét. Đó là ba bước của ba thiên sứ, đồng thời cũng là ba bước trong công tác của Đức Thánh Linh. Ba bước ấy cũng được biểu thị bằng ba chữ cái tiếng Hê-bơ-rơ cấu thành từ tiếng Hê-bơ-rơ được dịch là "lẽ thật". Trong đoạn ở Giảng mười sáu, Chúa Giê-su đang nói về công tác của Đức Thánh Linh trong việc dẫn dắt dân sự của Đức Chúa Trời vào "mọi lẽ thật", đồng thời cũng chỉ cho họ "những điều sắp đến". Tuy nhiên, Chúa Giê-su phán rằng Ngài còn "nhiều điều phải nói với các ngươi, nhưng bây giờ các ngươi không thể chịu nổi".

Tôi hy vọng bạn đã hiểu phần nào ý nghĩa của từ tiếng Hê-bơ-rơ được dịch là “lẽ thật”. Vì chúng ta vừa mới bắt đầu áp dụng biểu tượng đó vào việc nghiên cứu của mình. Trong ba câu đầu của Khải Huyền chương 1, quá trình truyền đạt giữa Đức Chúa Trời và con người được chỉ ra. Điều ấy còn được chỉ ra trước cả khi Sách Khải Huyền nêu lên bản tính ba ngôi của thần tính. Điều đó có một lời chứng thứ hai trong những câu cuối của Sách Khải Huyền, và như vậy, khi áp dụng “line upon line”, nó đem lại thêm ánh sáng.

Rồi khi chúng ta thêm Sáng thế ký 1:1–2:3, chúng ta tìm thấy một lời chứng thứ ba và một dòng tiên tri khác để đặt chồng lên hai dòng trước đó ở phần mở đầu và phần kết thúc của sách Khải Huyền.

Rồi chúng ta thêm lời hứa cuối cùng trong Cựu Ước xác định Ê-li-a sẽ đến, và chúng ta có bốn dòng tiên tri.

Sau đó chúng ta thêm chương đầu của Tân Ước và như vậy có năm dòng để kết hợp lại thành thông điệp tối hậu được tìm thấy trong Kinh Thánh khi áp dụng nguyên tắc Alpha và Omega cho tất cả các dòng ấy. Nếu chúng ta hoàn tất năm dòng đã xác định bằng cách áp dụng nguyên tắc đó xuyên suốt năm dòng ấy, thì chúng ta nên mong đợi thấy phần kết của Ma-thi-ơ và phần kết của Giảng làm chứng cho cùng một thông tin mà cả năm dòng tiên tri “đầu và cuối” mà chúng ta đang xem xét đều đang làm chứng.

Sứ điệp đang được mở ấn được xác lập trong sách Khải Huyền, vì thế nó là điểm quy chiếu cho các mạch tư tưởng khác, phù hợp với lời Bà White cho chúng ta biết rằng “mọi sách trong Kinh Thánh đều gặp gỡ và kết thúc trong Khải Huyền.” Sứ điệp của ba câu đầu trong sách Khải Huyền nêu rõ tiến trình Đức Chúa Trời dùng để truyền Lời Ngài cho Giăng để ông chép lại và gửi cho các hội thánh. Quyển sách đầu tiên của Tân Ước, như đã nêu, trình bày gia phả của Chúa Giê-su Christ và mở đầu bằng một điểm rất giàu thông tin.

Sách gia phả của Giê-su Ki-tô, con cháu Đa-vít, con cháu Áp-ra-ham. Ma-thi-ơ 1:1.

Giê-su kết thúc cuộc đối thoại trực tiếp với những người Do Thái hay bắt bẻ bằng cách khiến họ câm nín với chủ đề “con trai của Đa-vít,” một chủ đề mà người Do Thái chỉ có thể hiểu nếu họ nắm được nguyên tắc Kinh Thánh về khởi đầu và kết thúc. Họ đã không hiểu, và đa số tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm cũng không. Bất cứ ai muốn tranh luận chống lại nguyên tắc lịch sử lặp lại đều cho thấy họ không hiểu rằng Y-sơ-ra-ên xưa là hình bóng của Y-sơ-ra-ên hiện đại, và sự không muốn tin nguyên tắc ấy của họ chính là sự không muốn y hệt vào thời kỳ kết thúc của Y-sơ-ra-ên xưa trong việc hiểu cùng một nguyên tắc. Giê-su đã minh họa nguyên tắc đó trong câu đố cuối cùng Ngài dành cho người Do Thái bằng cách hướng họ đến câu đố: làm sao Chúa của Đa-vít cũng có thể là con của Đa-vít?

Gioan chương một khẳng định rằng: ban đầu Ngôi Lời ở với Thiên Chúa, Ngôi Lời là Thiên Chúa, và Ngôi Lời đã tạo dựng mọi sự. Điều này dĩ nhiên phù hợp với những câu khác mà chúng ta đang nói đến. Và nếu chúng ta xét đến những lời cuối cùng trong Tin Mừng theo Gioan, chúng ta thấy Phê-rô, sau khi nghe Đức Giê-su mô tả cách ông sẽ chết, đã hỏi Đức Giê-su điều gì sẽ xảy ra với tông đồ Gioan.

Phi-e-rô thấy người ấy thì thưa với Đức Chúa Giê-xu: Thưa Chúa, còn người này thì sao? Đức Chúa Giê-xu phán với ông: Nếu Ta muốn người ấy cứ ở lại cho đến khi Ta đến, thì việc đó can chi đến con? Còn con, hãy theo Ta. Bởi vậy, lời ấy lan truyền giữa các anh em rằng môn đồ ấy sẽ không chết; tuy nhiên, Đức Chúa Giê-xu không hề nói rằng người ấy sẽ không chết, nhưng nói: Nếu Ta muốn người ấy cứ ở lại cho đến khi Ta đến, thì việc đó can chi đến con? Chính môn đồ này là người làm chứng về những điều này và đã chép những điều này; và chúng tôi biết rằng lời chứng của người là thật. Còn nhiều việc khác nữa Đức Chúa Giê-xu đã làm; nếu từng việc đều được ghi chép lại, thì tôi nghĩ rằng cả thế gian cũng không đủ chỗ chứa các sách phải viết ra. Amen. Giăng 21:21-25.

Phê-rô muốn biết Gioan sẽ chết như thế nào, thậm chí liệu Gioan có chết hay không. Câu trả lời được lặp lại hai lần trong đoạn văn: Chúa Giê-su đã nói, rồi Gioan nhắc lại, "Nếu Ta muốn người ấy [Gioan] ở lại cho đến khi Ta đến, thì điều đó can gì đến người?" Gioan đã sống đến khi Chúa Giê-su tái lâm.

Bạn chỉ có thể thấy hoặc nghe "chân lý" đó nếu bạn tin vào sự lặp lại của lịch sử, và cũng tin rằng lịch sử được lặp lại ấy diễn ra vào thời tận thế. Tận thế là nơi Gioan đã ở khi ông viết sách Khải Huyền. Cuốn sách cuối cùng trong Phúc Âm của Gioan phù hợp với các dòng khởi đầu và kết thúc khác, vì nó đặt Gioan vào trong lịch sử của các sự kiện dẫn đến Sự Tái Lâm, nơi ông, đại diện cho những người rao giảng sứ điệp cảnh báo cuối cùng, gửi sứ điệp ấy đến các hội thánh.

Trong thời các Kitô hữu sơ khai, Chúa Kitô đã đến lần thứ hai. Lần giáng lâm thứ nhất của Ngài là tại Bêlem, khi Ngài đến như một hài nhi. Lần giáng lâm thứ hai của Ngài là tại đảo Patmos, khi Ngài tỏ mình trong vinh quang cho Gioan, người nhận Khải Huyền, người đã “ngã xuống dưới chân Ngài như chết” khi thấy Ngài. Nhưng Chúa Kitô đã thêm sức cho ông để chịu nổi cảnh tượng ấy, rồi ban cho ông một sứ điệp để viết cho các hội thánh tại Châu Á, mà tên gọi của chúng mang tính mô tả những đặc điểm của từng hội thánh.

"Ánh sáng mà Đấng Christ đã tỏ ra cho tôi tớ của Ngài, vị tiên tri, là dành cho chúng ta. Trong sự mạc khải của Ngài có các sứ điệp của ba thiên sứ, và một mô tả về thiên sứ sẽ từ trời giáng xuống với quyền năng lớn lao, soi sáng trái đất bằng vinh quang của mình. Trong đó có những lời cảnh báo về sự gian ác sẽ tồn tại trong những ngày sau rốt, và về dấu của con thú. Chúng ta không chỉ phải đọc và hiểu sứ điệp này, mà còn phải công bố nó cho thế giới với một tiếng nói dứt khoát, rõ ràng. Bằng cách trình bày những điều đã được bày tỏ cho Giăng, chúng ta sẽ có thể khơi dậy dân chúng." Manuscript Releases, tập 19, 41.

Phần kết của sách Tin Lành Giăng xác định tiến trình truyền đạt như trong ba câu đầu của sách Khải Huyền, bằng cách đặt Giăng theo viễn tượng tiên tri trong dòng lịch sử của Sự Tái Lâm. Như vậy, dùng “lần tái lâm” đầu tiên của Chúa Giê-su (Patmos) để minh họa “lần tái lâm” cuối cùng của Ngài. Điều đó liên kết hoàn hảo với những luận điểm khác mà chúng ta đang xem xét, vì nó mô tả Giăng ở vào thời kỳ tận thế, tại Patmos, nơi ông nhận Khải Huyền của Chúa Giê-su Christ. Còn phần kết của sách Ma-thi-ơ thì sao?

Bấy giờ mười một môn đồ đi đến Ga-li-lê, lên núi nơi Chúa Giê-su đã chỉ định. Khi thấy Ngài, họ thờ lạy Ngài; nhưng có vài người nghi ngờ. Chúa Giê-su đến gần, phán rằng: Mọi thẩm quyền trên trời và dưới đất đã được ban cho Ta. Vậy, hãy đi và khiến muôn dân trở nên môn đồ, làm phép báp-têm cho họ nhân danh Cha, Con và Thánh Linh; dạy họ tuân giữ mọi điều Ta đã truyền cho các con. Và này, Ta luôn ở cùng các con cho đến tận thế. A-men. Ma-thi-ơ 28:16-20.

Trong đoạn này, mọi thẩm quyền được ban cho Chúa Giê-su, và dĩ nhiên đó là thẩm quyền sáng tạo của Ngài. Rồi Ngài ban một điều răn phải làm báp-têm nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và cả Đức Thánh Linh, Đấng đã vận hành trên mặt nước trong Sáng Thế Ký chương một, và bày Thần ở trước ngai của Đức Chúa Trời. Đoạn này xác định rằng các Cơ Đốc nhân phải nhận biết ba ngôi vị của bộ ba thiên thượng như ba thực thể riêng biệt. Phần cuối sách Ma-thi-ơ bổ sung vào những dòng này như sáu phần kia cũng làm.

Đấng Christ đã lập phép báp-têm làm dấu hiệu gia nhập vương quốc thuộc linh của Ngài. Ngài đã đặt đây là một điều kiện rõ ràng mà mọi người đều phải tuân theo, nếu muốn được công nhận là ở dưới thẩm quyền của Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Trước khi con người có thể tìm được chỗ thuộc về trong Hội Thánh, trước khi bước qua ngưỡng cửa của vương quốc thuộc linh của Đức Chúa Trời, người ấy phải nhận lấy dấu ấn của danh thánh: “Chúa là sự công bình của chúng ta.” Giê-rê-mi 23:6.

Phép báp-têm là một sự từ bỏ thể gian hết sức trang nghiêm. Những người chịu báp-têm nhân danh Ba Ngôi: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh, ngay khi bước vào đời sống Cơ Đốc công khai tuyên bố rằng họ đã từ bỏ sự hầu việc Sa-tan, và đã trở nên thành viên

của gia đình hoàng gia, con cái của Vua Thiên Thượng. Họ đã vâng theo mệnh lệnh: “Hãy ra khỏi giữa họ, và hãy biệt riêng mình ra, ... và chớ đụng đến đồ ô uế.” Và nơi họ lời hứa này được ứng nghiệm: “Ta sẽ tiếp nhận các ngươi, và sẽ làm Cha các ngươi, còn các ngươi sẽ là con trai và con gái Ta, Chúa Toàn Năng phán vậy.” 2 Cô-rinh-tô 6:17, 18.

Khi các tín hữu Cơ Đốc vâng phục nghi lễ báp-têm trang nghiêm, Ngài ghi lại lời thề nguyện họ lập để trung thành với Ngài. Lời thề nguyện này là lời tuyên thệ trung thành của họ. Họ được báp-têm nhân danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh. Như vậy, họ được hiệp nhất với ba quyền năng vĩ đại của thiên đàng. Họ cam kết từ bỏ thế gian và tuân giữ các luật lệ của vương quốc Đức Chúa Trời. Từ nay họ phải bước đi trong đời sống mới. Họ không còn theo truyền thống của loài người nữa. Họ không còn theo những phương cách gian dối nữa. Họ phải vâng phục các điều luật của vương quốc thiên đàng. Họ phải tìm cầu vinh hiển của Đức Chúa Trời. Nếu họ trung thành với lời thề nguyện của mình, họ sẽ được ban cho ân điển và quyền năng để có thể làm trọn mọi sự công bình. "Nhưng hễ ai đã nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền phép trở nên con cái Đức Chúa Trời, tức là cho những ai tin danh Ngài." Truyền giáo, 307.

Chúa Giê-su minh họa phần cuối bằng phần đầu trong Lời của Ngài, vì Ngài là Ngôi Lời, và Ngài là Alpha và Omega.

Kết hợp bảy “dòng” này lại với nhau tạo nên một bức tranh rất chi tiết về quá trình giao tiếp giữa Đức Chúa Trời và con người, cùng với nhiều lễ thật then chốt và quan trọng khác được các “dòng” còn lại làm chứng và xác lập. Bảy “dòng” tiên tri đại diện cho Anpha và Ômêga. Nhưng còn sách Ma-la-chi thì sao?

Sách Ma-la-chi là một lời quở trách gay gắt nhắm vào những thầy tế lễ bất trung trong phong trào Phục Lâm. Sách mở đầu bằng việc xác định hai hạng người thờ phượng trong phong trào Phục Lâm vào thời kỳ cuối cùng của thế giới.

Lời sấm của Chúa gửi đến Israel qua Ma-la-chi. Ta đã yêu các ngươi, Chúa phán. Nhưng các ngươi lại nói: Ngài đã yêu chúng con ở chỗ nào? Há chẳng phải Ê-sau là anh của Gia-cốp sao? Chúa phán: nhưng Ta đã yêu Gia-cốp. Ma-la-chi 1:1, 2.

Malachi còn cho chúng ta biết rằng hai hạng người thờ phượng vào thời tận thế là hai hạng tư tế.

Và bây giờ, hỏi các thầy tế lễ, điều răn này dành cho các ngươi. Nếu các ngươi không nghe, và nếu các ngươi không để vào lòng để tôn vinh danh Ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán rằng, thì Ta sẽ giáng lời rủa sả trên các ngươi, và Ta sẽ rủa sả những phước lành của các ngươi; phải, Ta đã rủa sả chúng rồi, vì các ngươi không để vào lòng. Ma-la-chi 2:1, 2.

Phần đầu sách Ma-la-chi tiêu biểu cho sứ điệp La-ô-đi-xê và Phi-la-đen-phi qua hai hạng thầy tế lễ. Các thầy tế lễ được truyền phải “nghe.” Giảng đại diện cho những thầy tế lễ chịu nghe, và một thầy tế lễ đại diện cho dân được chọn theo giao ước của Đức Chúa Trời. Họ đã bị rủa sả rồi và sẽ lại bị rủa sả nếu họ không “nghe” và “họ không” hoặc “sẽ không” “để điều đó vào lòng.”

Anh em cũng vậy, như những viên đá sống, được xây nên một nhà thiêng liêng, một chức tế lễ thánh, để dâng những của lễ thiêng liêng, được Đức Chúa Trời chấp nhận nhờ Đức Chúa Giê-xu Christ. Bởi vậy cũng có chép trong Kinh Thánh: Này, Ta đặt tại Si-ôn một viên đá góc

nhà, được chọn lựa, quý báu; ai tin vào Ngài sẽ không bị hổ thẹn. Vậy, đối với anh em là những người tin, Ngài là quý báu; còn đối với những kẻ không vâng phục, thì viên đá mà các thợ xây đã loại bỏ đã trở nên đầu góc nhà, và là hòn đá làm cho vấp ngã, là tảng đá làm cho sa ngã; họ vấp ngã vì lời, bởi không vâng phục, và điều đó họ cũng đã được định. Nhưng anh em là dòng dõi được chọn, là chức tế lễ vương giả, là dân tộc thánh, là dân thuộc riêng của Đức Chúa Trời, để anh em rao truyền những nhân đức của Đấng đã gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm đến ánh sáng lạ lùng của Ngài; trước kia anh em không phải là một dân, mà nay là dân của Đức Chúa Trời; trước kia anh em chưa nhận được thương xót, mà bây giờ đã nhận được thương xót.
1 Phi-e-rơ 2:5-10.

Các thầy tế lễ là những người được Đức Chúa Trời chọn, những người được thử thách bởi "đá góc" trong nền móng của đền thờ. Đá góc là viên đá mà mọi viên đá nền khác đều căn theo, và cũng là viên đá gánh chịu sức nặng của toàn bộ đền thờ. Đá góc của Miller là "bảy lần" trong Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu. Đá góc, hay viên đá mà những người thợ xây đã loại bỏ, là một câu chuyện có thật về việc xây dựng đền thờ, được mô tả rất cụ thể trong các trước tác của Tinh Thần Tiên Tri. Một điểm về viên đá đầu tiên bị loại bỏ là sau khi bị loại bỏ, nó được đặt sang một bên, và từ đó trở đi những người thợ xây đền thờ thường xuyên vấp phải viên đá góc đã được đặt sang một bên ngay trong khu vực làm việc của họ. Đó là một hòn đá vấp phạm.

Trong sách Ma-la-chi, Đức Chúa Trời báo cho những thầy tế lễ gian ác, còn gọi là các trinh nữ La-ô-đi-xê đại dột, biết rằng Ngài sẽ và đã "rửa sả" họ. Ngài rửa sả họ vì họ không chịu "nghe" và "đặt" sứ điệp của Ê-li vào lòng mình. Sứ điệp Ê-li khiến lòng cha quay về con và lòng con quay về cha. Việc quay lòng ấy tượng trưng cho việc nghe sứ điệp Ê-li về cha và con, tức là nguyên tắc "đầu và cuối". Chỉ nghe sứ điệp về đầu và cuối là chưa đủ; nó phải được đặt vào lòng. Chấp nhận sứ điệp của Ê-li tức là đặt nó vào lòng mình. Nếu một thầy tế lễ không chịu nghe nguyên tắc đó, người ấy sẽ bị rửa sả.

Họ tự chuốc lấy lời nguyền khi vào năm 1863 họ bắt đầu quá trình khước từ chân lý nền tảng đầu tiên mà Miller khám phá, và từ đó đến nay họ không làm gì khác ngoài việc tiếp tục sự khước từ ấy. Nhưng mặc dù lời nguyền mang tính diễn tiến đã bắt đầu từ năm 1863 (vì họ đã bị rửa), lời nguyền thuộc về tương lai sẽ xảy ra khi họ bị nhổ ra khỏi miệng của Chúa vào lúc luật ngày Chủ nhật. Phần mở đầu của sách Ma-la-chi minh họa phần cuối, vì phần cuối tượng trưng cho lời cảnh cáo sau cùng dành cho các thầy tế lễ khôn ngoan và ngu dại. Những người khôn và đại trong Ma-la-chi được tượng trưng bởi Ê-sau và Gia-cốp. Người anh cả đại diện cho giao ước qua quyền trưởng nam với tư cách là con đầu lòng, đối chiếu với người em. Anh là trước hết, em là sau cùng.

Trong Ma-la-chi, cả Ê-sau lẫn Gia-cốp đều là những tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê, nhưng người sau rốt cuộc đã nghe "tiếng" của Chúa, ăn năn và được đổi tên thành Y-sơ-ra-ên. Người anh, người đầu tiên, thì không nghe. Gia-cốp đã nghe tiếng phán của Chúa trong đêm ông chiêm bao và thấy các thiên sứ lên xuống trên chiếc thang, chiếc thang ấy tượng trưng cho Đấng Christ. Gia-cốp đại diện cho những tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê vào thời kỳ cuối cùng của thế gian, là những người được hoán cải từ La-ô-đi-xê sang Phi-la-đen-phi khi họ trải nghiệm ba câu đầu của Khải Huyền đoạn một, như được minh họa qua Giăng và giấc mơ về chiếc thang có các thiên sứ lên xuống của Gia-cốp. Trải nghiệm ấy đánh dấu sự khởi đầu cho sự hoán cải của Gia-cốp thành

Y-sơ-ra-ên, người Phi-la-đen-phi. Kết thúc câu chuyện hoán cải của Gia-cốp là khi ông vật lộn với Đấng Christ tại Phê-nu-ên. Do đó, câu chuyện về quyền trưởng nam của Gia-cốp bắt đầu trong ba câu đầu của Khải Huyền đoạn một, khi việc mở ấn sứ điệp cảnh cáo sau cùng đang diễn ra, và kết thúc trong thời kỳ bảy tai vạ sau cùng, tức thời kỳ hoạn nạn.

Cả bốn bộ phần mở đầu và kết thúc, “dòng trên dòng”, đều làm chứng cho sứ điệp trong Khải Huyền của Giê-su Christ. Vấn đề là liệu các tư tế đại dột có nghe hay không.

Phước cho người đọc, và những ai nghe những lời của lời tiên tri này, và tuân giữ những điều đã chép trong đó; vì thì giờ đã gần. Khải Huyền 1:3.

Các tư tế khôn ngoan, những người nghe điều Thần Khí phán với các hội thánh, thì nghe sứ điệp của Êlia. Miller là Êlia, và một số người đã nghe, nhưng những người khác thì từ chối.

Hàng ngàn người đã được dẫn dắt để chấp nhận lẽ thật mà William Miller rao giảng, và các đầy tớ của Đức Chúa Trời đã được đẩy lên trong linh và quyền năng của Ê-li để công bố sứ điệp. Giống như Giăng, người đi trước dọn đường cho Đức Chúa Jê-sus, những người rao giảng sứ điệp trang nghiêm này cảm thấy bị thôi thúc phải đặt rìu vào gốc cây và kêu gọi người ta kết quả xứng đáng với sự ăn năn. Lời chứng của họ nhằm đánh thức và tác động mạnh mẽ đến các hội thánh, và bày tỏ bản chất thật của họ. Và khi lời cảnh cáo nghiêm trọng phải chạy trốn cơn thịnh nộ sắp đến được vang ra, nhiều người vốn hiệp với các hội thánh đã tiếp nhận sứ điệp chữa lành; họ thấy sự sa sút của mình, và với những giọt nước mắt ăn năn cay đắng cùng nỗi thống khổ sâu xa trong linh hồn, họ hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời. Và khi Thần của Đức Chúa Trời ngự trên họ, họ góp phần vang lên tiếng kêu: “Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài; vì giờ phán xét của Ngài đã đến.” Early Writings, 233.

Miller được cả Ê-li và Giăng Báp-tít tiêu biểu, vì Giăng Báp-tít đã dọn đường cho lần giáng lâm thứ nhất của Đấng Christ, còn Miller đã dọn đường cho Đấng Christ vào Nơi Chí Thánh của đền thánh trên trời vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Sách Ma-la-chi trực tiếp chỉ ra công việc của Giăng Báp-tít và Miller.

Này, Ta sẽ sai sứ giả của Ta, và người sẽ dọn đường trước mặt Ta; còn Chúa, Đấng các ngươi tìm kiếm, sẽ thành linh đến đền của Ngài, tức là sứ giả của giao ước, Đấng các ngươi ưa thích. Kia, Ngài sẽ đến, Đức Giê-hô-va vạn quân phán. Nhưng ai có thể chịu nổi ngày Ngài đến? Ai sẽ đứng vững khi Ngài hiện ra? Vì Ngài như lửa của thợ luyện, như thuốc tẩy của thợ giặt. Ngài sẽ ngồi như thợ luyện và tẩy sạch bạc; Ngài sẽ thanh tẩy các con trai Lê-vi, luyện lọc họ như vàng và bạc, để họ dâng cho Đức Giê-hô-va lễ vật trong sự công chính. Bảy giờ của lễ của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem sẽ đẹp lòng Đức Giê-hô-va, như trong những ngày xưa, như những năm thuở trước. Ta sẽ đến gần các ngươi để xét đoán; Ta sẽ làm chứng mau lẹ chống lại các phù thủy, các kẻ ngoại tình, các kẻ thề dối, và những kẻ áp bức người làm công về tiền công, áp hiếp góa phụ và kẻ mồ côi, và làm trái công lý đối với người ngoại kiều, mà không kính sợ Ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán. Vì Ta là Đức Giê-hô-va, Ta chẳng đổi thay; bởi đó, các con cháu Gia-cốp không bị diệt mất. Ma-la-chi 3:1-6.

Là “người canh gác” trong thời kỳ của mình, công việc của Miller trọng trung cho việc dựng lại nền móng của đền thờ. Công việc ban đầu của ông phải minh họa cho một công cuộc đại diện cho

việc hoàn tất đền thờ. Công cuộc cuối cùng đó đòi hỏi một người canh gác khác thổi lên tiếng kèn rõ ràng. Miller cùng sứ điệp của thiên sứ thứ nhất đã công bố việc khai mở cuộc phán xét, và người canh gác mà Miller tiêu biểu cho vào thời kỳ kết thúc của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm sẽ công bố sự kết thúc của cuộc phán xét.

Trong sách Ma-la-chi, Đức Chúa Trời hứa sẽ đem sự phán xét “nghịch cùng những kẻ thù thủy, những kẻ ngoại tình, những kẻ thề dối, những kẻ bóc lột người làm công về tiền công, người góa bụa và trẻ mồ côi, những kẻ tước đoạt quyền lợi của người ngoại kiều, và chẳng kính sợ Ta.” Những người được nêu ra ở đây là những kẻ “không kính sợ” “Đức Giê-hô-va vạn quân.” William Miller là sứ giả của thiên sứ thứ nhất, thiên sứ kêu gọi người ta “hãy kính sợ Đức Chúa Trời.” Khước từ các nền tảng tức là khước từ sự kính sợ Đức Chúa Trời.

Vì này, ngày ấy đến, sẽ cháy như lò lửa; mọi kẻ kiêu ngạo, phải, hết thảy những kẻ làm điều gian ác, sẽ như rơm rạ; và ngày đến ấy sẽ thiêu đốt chúng, Đức Giê-hô-va vạn quân phán, đến nỗi chẳng để lại cho chúng gốc rễ hay nhánh nào. Nhưng đối với các người là những người kính sợ danh ta, Mặt Trời công nghĩa sẽ mọc lên với sự chữa lành trong cánh của Ngài; các người sẽ ra đi và lớn lên như bê con trong chuồng. Và các người sẽ giày đạp những kẻ ác; vì chúng sẽ là tro dưới lòng bàn chân các người trong ngày ta làm điều ấy, Đức Giê-hô-va vạn quân phán. Hãy nhớ luật pháp của Môi-se, tôi tớ ta, mà ta đã truyền cho người tại Hô-rếp cho cả Y-sơ-ra-ên, cùng với các luật lệ và phán quyết. Nay, ta sẽ sai đấng tiên tri Ê-li đến với các người trước khi ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va đến; người sẽ làm cho lòng của các cha quay về cùng con cái, và lòng của con cái quay về cùng cha ông họ, kéo ta đến mà giáng lời nguyên rửa trên đất. Ma-la-chi 4:1-6.

- Phần đầu của Kinh Thánh (Sáng Thế Ký) và phần cuối của Kinh Thánh (Khải Huyền).
- Khởi đầu của Cựu Ước (Sáng Thế Ký) và kết thúc của Cựu Ước (Ma-la-chi).
- Khởi đầu Tân Ước (Mát-thêu) và kết thúc Tân Ước (lại là Khải Huyền).
- Khởi đầu lời chứng của Gioan (Tin Mừng theo Gioan) và kết thúc lời chứng của Gioan (lại là Khải Huyền).
- Phần đầu của Malachi và phần cuối của Malachi.
- Khởi đầu của Tin Mừng theo Mát-thêu và kết thúc của Tin Mừng theo Mát-thêu.
- Khởi đầu Tin Mừng theo Gioan và kết thúc Tin Mừng theo Gioan.
- Phần đầu của bốn sách Tin Mừng và phần cuối của bốn sách Tin Mừng.

Khi chúng ta loại bỏ những phần mở đầu hoặc kết thúc mang tính tiên tri được nhắc đến nhiều hơn một lần, thì còn lại tám dòng lời tiên tri cần được gom lại và đặt lên ba câu đầu của sách Khải Huyền. Vậy còn phần kết của Sáng Thế Ký thì sao?

Sáng Thế Ký chương năm mươi kết thúc bằng cái chết của Giô-sép.

Vậy Giô-sép qua đời, khi ông được một trăm mười tuổi; người ta ướp xác ông, và đặt ông trong một quan tài tại Ai Cập. Sáng thế ký 50:26.

Chương bốn mươi tám nêu ra cái chết của Jacob. Việc cái chết của Jacob xuất hiện trước ở chương bốn mươi tám, rồi dẫn đến cái chết của Joseph trong những câu kết của chương năm mươi, đã đặt dấu ấn của Alpha và Omega lên ba chương cuối của Genesis như phần kết của sách Genesis.

Hai cái chết đó được dùng như những biểu tượng cho sự khởi đầu và kết thúc của thời kỳ nô lệ của dân Israel tại Ai Cập. Ban đầu, thi hài của Jacob được đưa về để chôn cất cùng với cha ông; và khi Moses ra khỏi Ai Cập, ông mang thi hài của Joseph để chôn cất trong mộ phần của cha ông mình.

Và Môi-se đem hài cốt của Giô-sép theo mình; vì ông đã buộc con cái Y-sơ-ra-ên thề cách nghiêm trọng rằng: Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ thăm viếng các ngươi; và các ngươi sẽ đem hài cốt ta rời khỏi đây cùng với các ngươi. Xuất Ê-díp-tô Ký 13:19.

Phần kết của Sáng Thế Ký là ba chương cuối. Trong chương bốn mươi tám, Gia-cốp (Y-sơ-ra-ên) công bố các phước lành trên mười hai người con trai của mình, và những phước lành ấy được xác định trực tiếp là các lời tiên tri về những gì sẽ xảy ra cho mười hai chi phái đó trong “những ngày sau rốt” của sự phán xét điều tra.

Và Gia-cốp gọi các con trai mình đến và nói: Hãy nhóm lại, để ta cho các con biết điều sẽ xảy đến cho các con trong những ngày sau rốt. Hỡi các con trai của Gia-cốp, hãy nhóm lại và nghe; hãy lắng tai nghe Y-sơ-ra-ên, cha các con. Sáng-thế Ký 49:1, 2.

Trong những "ngày sau rốt" của sự phán xét điều tra, Chúa hứa sẽ nhóm họp mười hai người con trai của Ngài, là những người được biểu tượng bằng con số một trăm bốn mươi bốn nghìn trong sách Khải Huyền. Chính họ là những người mà Giăng mô tả trong sách Khải Huyền. Họ được nhóm lại bởi một lời kêu gọi từ Gia-cốp—một lời kêu gọi từ buổi khởi đầu lịch sử của họ—mà họ được bảo phải "nghe" và "vâng nghe". Trong những ngày sau rốt, những người được tiêu biểu bởi các con trai của Gia-cốp "nghe" một sứ điệp và "vâng nghe", hay như Giăng nói, "giữ" những điều được chép ở trong đó. Đó là một lời kêu gọi của người cha gửi đến các con; đó là sứ điệp Ê-li. Những người được kêu gọi ấy được gọi là "các con trai của Gia-cốp", và cũng phải "vâng nghe Y-sơ-ra-ên", là cha của họ.

Ê-sau và Gia-cốp trong sách Ma-la-chi tượng trưng cho những trinh nữ khôn ngoan và khờ dại. Lời kêu gọi xuất phát từ cha của họ, Gia-cốp, và từ cha của họ, Y-sơ-ra-ên, cho thấy rằng khi lời kêu gọi sau cùng vang lên, mọi người đều là những tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê, và sự lựa chọn được đặt vào chính tay họ: sẽ là con của Gia-cốp, kẻ lừa dối, hay của Y-sơ-ra-ên, người đắc thắng. Điều cho phép họ có thể chọn lựa là quyền năng sáng tạo ở trong sứ điệp. Nếu sứ điệp được đọc, được nghe và được giữ, thì nhờ chính quyền năng sáng tạo đã khiến muôn vật hiện hữu, họ sẽ được biến đổi để trở nên con của Y-sơ-ra-ên. Từ chối lắng nghe tức là giữ lại kinh nghiệm của Gia-cốp, kẻ lừa dối.

Lời kêu gọi quy tụ của Gia-cốp, cũng là lời kêu gọi quy tụ của sứ điệp được mở ấn trong sách Khải Huyền, là một biểu tượng quan trọng cần được hiểu. "Bảy lần" trong Lê-vi Ký chương hai mươi sáu dạy rằng sẽ không có sự quy tụ, nếu trước đó không có sự tản lạc. Một trăm bốn mươi bốn nghìn là những người đã bị tản lạc trước khi lời kêu gọi được đưa ra. Lễ thật này được khẳng định lặp đi lặp lại trong Kinh Thánh.

Hỡi các dân tộc, hãy nghe lời của Chúa, và hãy công bố tại các hải đảo xa xăm rằng: Đấng đã làm tan tác Israel sẽ nhóm họ lại và gìn giữ họ như người chăn giữ bầy chiên của mình.
Giê-rê-mi 31:10.

Giao ước được đổi mới với một trăm bốn mươi bốn ngàn bao gồm lời hứa rằng Đức Chúa Trời sẽ viết luật pháp của Ngài trong lòng chúng ta. Nhưng những ai được Chúa thực hiện hành động sáng tạo này cho thì trước đó đã bị tản lạc.

Lại có lời Đức Giê-hô-va đến cùng ta, phán rằng: Hỡi con người, anh em người, chính anh em người, những người cùng huyết thống người, và cả nhà Y-sơ-ra-ên hết thảy, là những người mà dân cư Giê-ru-sa-lem đã nói rằng: “Hãy ở xa Đức Giê-hô-va; đất này đã được ban cho chúng ta làm sản nghiệp.” Vậy hãy nói: Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Dầu ta đã đuổi họ đi xa giữa các dân ngoại, và dầu ta đã làm họ tản lạc trong các xứ, nhưng ta sẽ cho họ như một nơi thánh nhỏ trong các xứ mà họ sẽ đến. Vậy hãy nói: Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ nhóm các người lại từ giữa các dân, và hiệp các người ra khỏi các xứ nơi các người đã bị tản lạc, và ta sẽ ban cho các người đất Y-sơ-ra-ên. Họ sẽ đến đó và dẹp bỏ khỏi đó mọi vật đáng ghê tởm cùng mọi điều gớm ghiếc của nó. Ta sẽ ban cho họ một tấm lòng, và đặt trong các người một thần linh mới; ta sẽ cắt khỏi xác thịt của họ tấm lòng bằng đá, và ban cho họ một tấm lòng bằng thịt.
Ê-xê-chi-ên 11:14-19.

Còn nhiều điều để nói về sự quy tụ của một trăm bốn mươi bốn nghìn liên quan đến "sự tản lạc", nhưng trước hết chúng ta cần tổng hợp việc khảo sát dấu ấn của Alpha và Ômêga trong chín chỗ tham chiếu mà chúng ta đang xem xét.

Hai hạng người được trình bày trong ba chương cuối của Sáng Thế Ký. Một hạng người phản nghịch và một hạng người khôn ngoan. Cả hai hạng đều nghe một tiếng nói rằng đây là đường, hãy đi theo, nhưng một hạng đã từ chối lắng nghe tiếng kèn và bước đi trên các nẻo xưa. Hạng phản nghịch trong Sáng Thế Ký, từ chương 48 đến 50, được đại diện bởi chi phái thứ mười ba.

Lúc khởi đầu của Israel cổ đại có mười ba chi phái, và lúc khởi đầu của Israel hiện đại có mười ba môn đồ. Người môn đồ duy nhất được phân biệt với mười hai môn đồ còn lại (cũng như Êpraim được phân biệt với các chi phái khác), cả hai đều là biểu tượng của sự phản nghịch. Bà White trực tiếp gọi Giu-đa là một trinh nữ đại.

Xưa nay đã có và mãi sẽ có cỏ lùng lẫn trong lúa mì, những cô trinh nữ đại bên cạnh những cô trinh nữ khôn, những người không có dầu trong bình để dùng với đèn của mình. Đã có một Giu-đa tham lam trong hội thánh mà Chúa Kitô đã lập trên đất, và sẽ có những Giu-đa trong hội thánh qua mọi giai đoạn lịch sử của hội thánh. Signs of the Times, ngày 23 tháng 10 năm 1879.

Giu-đa Iscariôt là một trinh nữ đại; ông ta là cỏ lùng, và nếu là một trinh nữ đại, thì cũng là một người La-ô-đi-xê.

Tình trạng của Hội Thánh được tượng trưng bởi các trinh nữ đại, cũng được gọi là tình trạng La-ô-đi-xê. Review and Herald, ngày 19 tháng 8, 1890.

Hai người con trai của Joseph đều nhận được lời chúc phúc từ Jacob trong chương bốn mươi tám của sách Sáng thế ký, và từ đó trở đi họ được gọi là "nửa chi phái." Dù có là nửa chi phái hay không, họ vẫn là chi phái. Judas Iscariot được thay thế bởi Matthias để lấp vào vị trí thứ mười hai trước đây do Judas Iscariot nắm giữ. Judas là một môn đồ, và theo nghĩa này—đã có mười ba môn đồ vào cuối thời Israel cổ đại, cũng như có mười ba chi phái vào lúc ban đầu.

Con trai của Joseph, Ephraim (chi phái thứ mười ba), trở thành biểu tượng của sự phản loạn khi mười chi phái miền bắc tập hợp ủng hộ Jeroboam và chia vương quốc thành mười chi phái miền bắc và hai chi phái miền nam. Tại sao tôi xác định Ephraim, con của Joseph, là biểu tượng của sự phản loạn thay vì anh ông là Manasseh? Sự phản loạn gắn với Ephraim bắt đầu ở chương bốn mươi tám, trước khi Jacob chúc phúc cho mười hai người con của mình. Trong chương bốn mươi tám, Jacob trước hết chúc phúc cho hai con trai của Joseph. Vì Manasseh là con đầu lòng, Joseph mong đợi rằng phúc lành đầu tiên dành cho các con trai của mình phải thuộc về Manasseh, và Joseph phản đối việc Jacob chọn Ephraim.

Khởi đầu của Ephraim, với tư cách đại diện cho những người được Đức Chúa Trời chọn, mang một lời chứng về sự phản nghịch; và tận cùng của Ephraim là sự phân tán “bảy lần” theo Leviticus đoạn 26, từ năm 723 TCN đến năm 1798. Vào năm 723 TCN, mười chi phái phương bắc, vương quốc Ephraim (cũng được gọi là Israel), đã nhận một vết thương chí tử với tư cách là một vương quốc trong lời tiên tri Kinh Thánh. Vết thương chí tử ấy khởi đầu một lời tiên tri về thời kỳ, và lời tiên tri ấy kết thúc khi quyền lực giáo hoàng cùng vương quốc của nó nhận một vết thương chí tử vào năm 1798. Vết thương chí tử của quyền lực giáo hoàng vào năm 1798 là hình bóng cho sự sụp đổ cuối cùng của Babylon, khi vua phương bắc “đi đến chỗ cuối cùng mà không ai giúp đỡ” trong Daniel đoạn mười một, câu bốn mươi lăm. Sự phản nghịch và sụp đổ của Babylon trong những ngày cuối cùng được làm hình bóng bởi sự phản nghịch và sụp đổ của quyền lực giáo hoàng vào năm 1798; điều này lại được làm hình bóng bởi sự phản nghịch và sụp đổ của vương quốc Ephraim (Israel) vào năm 723 TCN; và điều ấy lại được làm hình bóng bởi sự phản nghịch của Joseph đối với sự cảm hứng tiên tri của cha mình, như được nêu ở phần cuối của Genesis.

Sự phản nghịch mà Ê-phra-im là biểu tượng đã bắt đầu từ sự phản nghịch của cha ông, Giô-sép, đối với cha mình, Gia-cóp. Rốt cuộc điều đó dẫn đến cuộc phản nghịch của mười chi phái phương bắc, điều đưa đến sự “tán lạc được tượng trưng” là “bảy lần” trong Lê-vi Ký đoạn 26. Khoảng thời gian vương quốc phương bắc bị tán lạc được chia thành hai giai đoạn. Một giai đoạn kết thúc vào năm 538, giai đoạn kế tiếp kết thúc vào năm 1798, và tất cả đều chỉ đến sứ điệp được mở ấn ngay trước khi thời kỳ ân điển khép lại trong sách Khải Huyền. Sứ điệp ấy nêu rõ sự sụp đổ cuối cùng của Ba-by-lôn. Ở mỗi cột mốc trong lịch sử tiên tri của Ê-phra-im đều có dấu ấn của sự phản nghịch; cũng như cuộc phản nghịch của môn đồ thứ mười ba, Giu-đa Ích-ca-ri-ôt. Đây là hai trong số những nhân chứng cho thấy con số mười ba là biểu tượng của sự phản nghịch. Nhưng không một lễ thật thánh thiêng nào trong các lễ thật ấy có thể được nhận biết nếu người ta không đứng trên những nền tảng của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, những nền tảng được xây trên lễ thật đầu tiên mà Miller khám phá và lễ thật đầu tiên bị phong trào Phục Lâm loại bỏ.

Phản kết của Sáng Thế Ký nhất quán với tất cả các dòng lập luận khác mà chúng ta đã xem xét.
Tóm lại:

Ban đầu, bộ ba thiên thượng gồm Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh đã chứng kiến việc sáng tạo trời và đất, việc ấy do Đức Con thực hiện, cũng chính là Ngôi Lời. Ngôi Lời trở thành kênh thông truyền từ Đức Cha đến nhân loại, và Ngôi Lời là con đường duy nhất để nhân loại giao tiếp với Đức Cha. Sứ điệp của Đức Cha được Đức Con trao cho thiên sứ Gabriel, người đã thay thế Lucifer (kẻ mang ánh sáng) sau khi Lucifer phản nghịch trên trời. Gabriel nhận lấy ánh sáng, tức sứ điệp, và chuyển cho một nhà tiên tri, là thợ tạo thánh khiết được giao phó nhiệm vụ truyền đạt sứ điệp từ Đức Cha cho gia đình thợ tạo đã sa ngã. Sứ điệp được ban cho nhà tiên tri được chép lại rồi truyền đạt cho nhân loại. Ở mọi bước của tiến trình truyền thông, sứ điệp đều là thánh; vì thế các nhà tiên tri, vốn là con người sa ngã, phải nên thánh. Khi sứ điệp thánh được chuyển vào tay nhân loại sa ngã, nhân loại có nguy cơ xử lý một sứ điệp thánh bằng những bàn tay chưa được thánh hóa. Vì vậy, ánh sáng của sứ điệp thánh tạo ra cả ánh sáng lẫn bóng tối. Khi sứ điệp được những người thuộc gia đình nhân loại sa ngã tiếp nhận, nó chứa đựng cùng một quyền năng sáng tạo đã dựng nên muôn vật, là quyền năng xung công chính cho người ấy. Khởi đầu của tiến trình truyền thông minh họa cho kết cục của tiến trình ấy. Vì thế, nếu sứ điệp được nghe, được đọc và được giữ, sứ điệp sẽ tái tạo nhân loại sa ngã theo hình ảnh của Đức Con.

Phước cho người đọc, và những ai nghe những lời của lời tiên tri này, và tuân giữ những điều đã chép trong đó; vì thì giờ đã gần. Khải Huyền 1:3.

Giăng mô tả nhân loại sa ngã trong “những ngày sau rốt” của cuộc phán xét điều tra: họ nghe một tiếng nói phía sau mình và quay lại để đón nhận sứ điệp dẫn về quá khứ. Những ai tiếp nhận và biến sứ điệp trở thành không phải chỉ một phần đời sống của họ, mà là chính đời sống của họ, thì ngay khi ấy được xung công chính. Được xung công chính tức là được nên thánh. Khi những người đọc và nghe sứ điệp do Cha gửi đến chấp nhận sứ điệp và được nên thánh, thì đó là nhờ quyền năng sáng tạo ở trong sứ điệp. Quyền năng sáng tạo ấy thực hiện công việc xung công chính cho con người khi con người tin như Abraham đã tin. Sứ điệp dạy họ quay lại và lắng nghe tiếng nói phía sau, dẫn đến những nẻo xưa, là những lẽ thật nền tảng. Sứ điệp dẫn họ vào mọi lẽ thật, và khi họ bước đi trên những nẻo xưa, họ đang bước trên con đường của những người được xung công chính.

Nhưng nẻo của người công chính như ánh sáng rạng rỡ, càng chiếu sáng hơn cho đến ngày trọn vẹn. Đường của kẻ ác thì như bóng tối; chúng chẳng biết mình vấp phải điều gì. Con ơi, hãy chú ý đến lời ta; hãy nghiêng tai nghe những lời dạy của ta. Đừng để chúng rời khỏi mắt con; hãy giữ chúng ở giữa lòng con. Vì chúng là sự sống cho những ai tìm được, và là sức khỏe cho toàn thân họ. Hãy hết sức gìn giữ lòng con, vì từ đó nguồn mạch của sự sống tuôn ra. Hãy cất khỏi con miệng quanh co; để môi gian tà xa khỏi con. Mắt con hãy nhìn thẳng, và mí mắt con hãy nhìn ngay trước mặt. Hãy cân nhắc lối bước chân con, và khiến mọi đường lối con được vững chắc. Đừng nghiêng qua bên hữu hay bên tả; hãy giữ chân con khỏi điều ác. Châm Ngôn 4:18-27.

Những người được xung công chính bởi sứ điệp được truyền đạt bước đi trên con đường tượng trưng cho ánh sáng mỗi lúc một rạng rỡ hơn, nhưng chính ánh sáng ấy lại làm cho con đường của kẻ ác tương ứng mà tối tăm hơn. Ánh sáng tách biệt khỏi bóng tối. Quyền năng sáng tạo đã truyền lệnh phải có ánh sáng từ ban đầu tạo ra cùng một hiệu quả trên nhân loại vào cuối cùng như ánh

sáng đã tạo ra lúc ban đầu. Hạng người từ chối lắng nghe tiếng nói phía sau lưng, và vì thế chọn đi trên con đường u tối, thì “vấp ngã” trước Lời của Ngài, vì họ vấp trên hòn đá nền tảng, hòn đá xưa đã được thử luyện. Tiếng nói ấy là Alpha và Omega, và khi những người được xưng công chính nghe những lời ấy và nghiêng lòng về những lời ấy, họ giữ những lời ấy giữa lòng mình, vì Alpha và Omega hướng lòng họ về với các tổ phụ (quá khứ), và lòng của các tổ phụ lại chỉ về thời cuối cùng.

Đường của người công chính là ngay thẳng; Ngài, Đấng rất ngay thẳng, cân nhắc con đường của người công chính. Phải, trong đường lối các phán quyết của Ngài, lạy Chúa, chúng con đã trông đợi Ngài; ước ao của linh hồn chúng con là hướng về danh Ngài và sự tưởng nhớ đến Ngài. Linh hồn tôi đã ao ước Ngài trong đêm; vâng, với thần linh ở trong tôi, tôi sẽ tìm kiếm Ngài từ sớm; vì khi các phán quyết của Ngài ở trên đất, dân cư thế gian sẽ học biết sự công chính. Ê-sai 26:7-9.

Đức Chúa Trời cân đo, hay Ngài phán xét, những người bước đi trên con đường của người công chính, và Ngài làm như vậy vào “những ngày sau rốt” khi các sự phán xét của Ngài ở trên đất. Những người công chính là những người đã chờ đợi Chúa, ứng nghiệm thời kỳ trì hoãn trong dụ ngôn mười trinh nữ. Nguyên vọng của những người bước đi trên con đường gia tăng sự hiểu biết là ngày càng hiểu biết sâu hơn về danh của Đức Chúa Trời, về bản tính của Ngài. Những người đã chờ đợi Chúa của họ là những người công bố sứ điệp cảnh cáo sau cùng, vì họ là những người công bố Tiếng Kêu Nửa Đêm, vốn là sứ điệp nội bộ thứ nhất của Khải Huyền đoạn mười tám, rồi được tiếp nối bởi sứ điệp thứ hai, bên ngoài.

Và sau những điều ấy, tôi thấy một thiên sứ khác từ trời xuống, có quyền năng lớn; và đất được chiếu sáng bởi vinh hiển của vị thiên sứ ấy. Người kêu lớn tiếng cách mạnh mẽ rằng: Ba-by-lôn vĩ đại đã sụp đổ, đã sụp đổ rồi, và đã trở nên nơi ở của ma quỷ, chỗ giam giữ mọi tà linh ô uế, và lòng của mọi loài chim ô uế và đáng ghét. Vì muôn dân đã uống rượu cơn thịnh nộ do sự tà dâm của nó, các vua trên đất đã phạm tà dâm với nó, và các thương gia trên đất đã trở nên giàu có nhờ sự xa hoa phong phú của nó. Rồi tôi nghe một tiếng khác từ trời phán rằng: Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi nó, để các ngươi khỏi dự phần trong tội lỗi của nó, và khỏi nhận lãnh các tai vạ của nó. Khải Huyền 18:1-4.

Khi thiên sứ của Khải Huyền mười tám giáng xuống vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, Giáo Hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy đã từ chối lời kêu gọi sau cùng để trở về những nẻo xưa. Khi ấy giáo hội không còn là sừng của chủ nghĩa Tin Lành chân chính tại Hoa Kỳ nữa. Vào thời điểm đó, một tiến trình thử luyện bắt đầu cho những ai chọn lấy sứ điệp của tiếng kêu lớn ấy và ăn lấy nó, như đã được Giảng tiêu biểu khi thiên sứ của Khải Huyền mười giáng xuống vào buổi khởi đầu của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, vào ngày 11 tháng 8 năm 1840. Dân tộc thuộc linh đã khoác lấy áo choàng của chủ nghĩa Tin Lành chân chính khi sứ điệp của thiên sứ thứ nhất bị khước từ, rồi đã bước theo dấu chân của chủ nghĩa Tin Lành bội đạo như vào buổi khởi nguyên của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm.

Lúc ấy sừng Tin Lành chân chính đã được trao cho những người chấp nhận sứ điệp trong quyển sách nhỏ ở trong tay vị thiên sứ trong Khải Huyền đoạn mười. Quá trình thử nghiệm ở buổi đầu của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm từ năm 1840 đến 1844 tượng trưng cho một quá trình thử nghiệm ở

phần cuối của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, từ ngày 11 tháng 9 năm 2001 cho đến luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ. Cả giai đoạn lịch sử đầu tiên từ 1840 đến 1844 và quá trình thử nghiệm bắt đầu vào ngày 11 tháng 9 năm 2001 đều đánh dấu một sự chuyển đổi thời kỳ từ cộng đồng tín hữu trước đây, những người mang áo choàng của Tin Lành, sang một cộng đồng tín hữu mới tiếp nhận áo choàng của Tin Lành chân chính.

Điều quan trọng hơn đối với việc chúng ta xem xét con đường của những người được xưng công chính là: trong lịch sử đó có một sự thất vọng đánh dấu sự khởi đầu của thời kỳ tri hoãn. Những người trung tín chờ đợi Chúa của họ trong thời kỳ ấy, và thời kỳ đó kết thúc khi sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm được mở ấn. Quá trình thử luyện ấy ở buổi đầu của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đã kết thúc khi sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm chấm dứt vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Quá trình thử luyện ở phần cuối sẽ kết thúc đối với những người được Giảng đại diện khi Luật Chủ nhật được ban hành tại Hoa Kỳ. Sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm vào thời cuối cũng sẽ kết thúc y như lúc ban đầu, và vào buổi đầu của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm đã được mở ấn trước khi quá trình thử luyện khép lại. Sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm lúc ban đầu hiện đang được mở ấn vào thời cuối.

Những trinh nữ khôn ngoan được xưng công chính lập giao ước với Thiên Chúa khi những trinh nữ ngu dại và gian ác lập giao ước với sự chết.

Ngài đã phán với họ rằng: Đây là sự yên nghỉ nhờ đó các ngươi có thể làm cho kẻ mệt mỏi được nghỉ ngơi; và đây là sự phục hồi; nhưng họ chẳng chịu nghe. Nhưng lời của Chúa đã đến với họ như: mệnh lệnh trên mệnh lệnh, mệnh lệnh trên mệnh lệnh; dòng trên dòng, dòng trên dòng; chỗ này một ít, chỗ kia một ít; để họ đi, rồi ngã ngựa, bị gãy nát, bị mắc bẫy và bị bắt. Vì vậy, hỡi những kẻ nhạo báng đang cai trị dân này tại Giê-ru-sa-lem, hãy nghe lời của Chúa. Bởi vì các ngươi đã nói: Chúng ta đã lập giao ước với sự chết, và với Âm phủ chúng ta đã thỏa thuận; khi tai vạ tràn qua, nó sẽ không đụng đến chúng ta; vì chúng ta đã lấy sự dối trá làm nơi nương náu, và ẩn mình dưới sự giả dối. Vì vậy Chúa là Đức Chúa Trời phán thế này: Kia, Ta đặt tại Si-ôn một hòn đá làm nền tảng, một hòn đá đã được thử luyện, một đá góc quý giá, một nền tảng vững chắc; ai tin sẽ không hấp tấp. Ê-sai 28:12-16.

Những người được xưng công chính đem sứ điệp thánh của Tiếng Kêu Nửa Đêm đến cho Hội Thánh, và sau đó họ rao giảng sứ điệp của tiếng nói thứ hai, kêu gọi nhân loại ra khỏi Ba-by-lôn.

Vậy nên, trong công việc sau cùng nhằm cảnh báo thế gian, có hai lời kêu gọi riêng biệt được đưa ra cho các hội thánh. Sứ điệp của thiên sứ thứ hai là: “Ba-by-lôn đã đổ, đã đổ, thành lớn kia, vì nó đã khiến muôn dân uống rượu của cơn thịnh nộ do sự tà dâm của nó.” Và trong tiếng kêu lớn của sứ điệp thiên sứ thứ ba, có tiếng từ trời phán rằng: “Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi nó, để các ngươi chớ dự phần vào tội lỗi của nó, và chớ nhận lấy các tai vạ của nó. Vì tội lỗi của nó đã chất đến trời, và Đức Chúa Trời đã nhớ lại các sự gian ác của nó.” Review and Herald, ngày 6 tháng 12 năm 1892.

Những ai ra khỏi Ba-by-lôn và gia nhập với những người bước đi trên con đường của người công chính thì được tiếp nhận vào bày chiên qua nước báp-têm, là điều được biểu trưng bởi danh của Ba Ngôi trên trời. Những người được xưng công chính — dù là những người hiện đang nghe sứ điệp

truyền cho Giăng tại Pat-mô, hay những người về sau được kêu gọi ra khỏi Ba-by-lôn — đều được xưng công chính bằng việc tiếp nhận Đức Thánh Linh. Sự kết hợp giữa thần tính của Đức Thánh Linh và nhân tính của con người đã được thực hiện, như đã được nêu làm gương khi Đấng Christ mặc lấy bản tánh loài người. Một trăm bốn mươi bốn ngàn được đại diện bởi hai nhân chứng: mười hai con trai của Gia-cóp và mười hai môn đồ. Những kẻ ác được đại diện bởi bộ tộc thứ mười ba và môn đồ thứ mười ba. Trong cả hai minh họa, cả hai “mười ba” đều được kêu gọi làm thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời; và những ai từ chối lời kêu gọi ấy được biểu trưng bởi Ê-sau, còn người em trai của ông, Gia-cóp, đại diện cho những ai tiếp nhận lời kêu gọi. Ê-sau và Gia-cóp đều đại diện cho các tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy thuộc La-ô-đi-xê vào thời kỳ cuối cùng. Một nhóm tiếp nhận sứ điệp thánh được truyền qua trước tác của vị tiên tri và được đổi tên thành Y-sơ-ra-ên, còn Ê-sau thì giữ nguyên tên mình.

Dĩ nhiên, trong chín dòng Alpha và Omega này còn nhiều điều hơn thế, vì đây chỉ là một bản tóm lược ngắn gọn về những khởi đầu và kết thúc trong Lời Đức Chúa Trời.

Chín mạch lịch sử, tượng trưng cho những lịch sử tiên tri từ sự sáng tạo đến sự tái lâm. Cả chín mạch tiên tri về khởi đầu và kết thúc này đều trực tiếp gắn liền với ba câu đầu của Khải Huyền chương ba. Ba câu ấy xác định rằng sự mạc khải của Đức Chúa Giê-su Christ, vốn được tháo ấn ngay trước khi thời kỳ ân điển khép lại, là sự bày tỏ quyền năng sáng tạo của Đức Chúa Trời. Có quyền năng nào khác có thể dệt nên một lời chứng đan xen phức tạp như vậy từ nhiều nhân chứng khác nhau, những người đã làm chứng từ thời Môi-se cho đến thời sứ đồ Giăng, người ghi sách Khải Huyền?

Hãy cởi giày ra, vì đây là đất thánh.